

## **Khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh vào các trường Công an nhân dân**

---

### **I. Khu vực ưu tiên**

#### **1. Các khu vực ưu tiên trong tuyển sinh**

- Khu vực 1 (KV1), bao gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm:

Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm:

Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương.

2. Mức chênh lệch điểm giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

#### **3. Chính sách ưu tiên theo khu vực**

- Thí sinh học liên tục 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong ba năm học trung học phổ thông có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả các thí sinh, kể cả thí sinh tốt nghiệp trước năm thi tuyển sinh.

- Đối với các trường THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ quy ước mã trường khác nhau tương ứng với từng giai đoạn được hưởng mức ưu tiên khu vực khác nhau. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại trường THPT chọn và điền đúng mã trường theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực.

- Các trường hợp được hưởng ưu tiên theo hộ khẩu thường trú gồm:

+ Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi vào trường.

+ Học sinh các trường, lớp dự bị đại học, được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi vào trường.

+ **Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng** tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ **nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên.**

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong CAND được cử đi dự thi, nếu **đóng quân từ 18 tháng trở lên** tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu **dưới 18 tháng** thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

- Xác định khu vực ưu tiên cho cán bộ, chiến sĩ CAND

+ *Cán bộ Công an, chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ năm 2020 được lựa chọn 1 trong các khu vực ưu tiên sau:* Nơi học và tốt nghiệp THPT trước khi nhập ngũ hoặc Hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ hoặc Nơi đóng quân (tính từ thời gian nhập ngũ đến tháng tổ chức thi THPT) để xác định ưu tiên khu vực. Đối với chiến sĩ đóng quân nhiều tại nhiều địa điểm khác nhau thì lấy theo nơi có thời gian đóng quân lâu nhất, nếu thời gian đóng quân bằng nhau thì lấy theo nơi có mức ưu tiên khu vực cao hơn.

+ *Chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ năm 2021, căn cứ vào thời gian thi tốt nghiệp THPT năm 2022 để xác định:*

\* Nếu đóng quân **tại 1 khu vực ưu tiên** (tính từ tháng nhập ngũ đến tháng thi tốt nghiệp THPT) từ **18 tháng** trở lên thì được lựa chọn khu vực ưu tiên của Nơi học và tốt nghiệp THPT trước khi nhập ngũ hoặc Hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ hoặc Nơi đóng quân để xác định ưu tiên khu vực.

\* Còn lại được lựa chọn khu vực ưu tiên của Nơi học và tốt nghiệp THPT trước khi nhập ngũ hoặc Hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ để xác định ưu tiên khu vực.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia CAND được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi học và tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc theo hộ khẩu thường trú theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Lưu ý:** Trường hợp chính sách ưu tiên theo khu vực có thay đổi theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, X02 sẽ hướng dẫn sau.

## **II. Đối tượng ưu tiên**

### **1. Đối tượng 01:**

Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1.

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền, sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ hợp pháp minh chứng thí sinh có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc trung cấp.

### **2. Đối tượng 03, gồm:**

- Chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

Việc xác định ưu tiên cho đối tượng này do Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận, căn cứ theo hồ sơ cán bộ.

- Chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

Thời gian phục vụ được tính từ tháng nhập ngũ đến tháng thi tốt nghiệp THPT.

Việc xác định ưu tiên cho đối tượng này do Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận, căn cứ theo hồ sơ cán bộ.

- Quân nhân; chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp Quyết định xuất ngũ.

### **3. Đối tượng 04, gồm:**

- Thân nhân liệt sĩ (thực tế đối tượng xét tuyển vào các trường CAND chỉ có con)

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy báo tử hoặc Bản sao Bằng “Tổ quốc ghi công”; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ; Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có).

- Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp.

- Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp.

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.

- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" mà người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.

- Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang.

- Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Quyết định công nhận Anh hùng Lao động.

#### **4. Đối tượng 05, gồm:**

- Chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;

Thời gian phục vụ được tính từ tháng nhập ngũ đến tháng thi tốt nghiệp THPT theo lịch đợt 1 của Bộ GD&ĐT (tháng vào nhập ngũ được tính tròn là 1 tháng, ví dụ: thí sinh nhập ngũ ngày 15/2/2021 thì những ngày còn lại của tháng 2 được tính tròn là 1 tháng).

Việc xác định ưu tiên cho đối tượng này do Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận, căn cứ theo hồ sơ cán bộ (đối tượng này chủ yếu là số chiến sĩ nhập ngũ năm 2021).

Chiến sĩ thuộc đối tượng 05, đồng thời thuộc những đối tượng ưu tiên khác được quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT có mức điểm cộng ưu tiên cao hơn như vừa là đối tượng 05 vừa là đối tượng 01 hoặc đối tượng 04 thì chiến sĩ đó được lựa chọn đối tượng có mức điểm cộng ưu tiên cao nhất để hưởng trong xét tuyển.

#### **5. Đối tượng 06, gồm:**

- Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền.

- Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.

**7. Con nuôi theo quy định của pháp luật:** được hưởng các chế độ ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT như đối với con đẻ.

8. Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

9. Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10. Nhóm ưu tiên I gồm đối tượng 01, 03, 04; nhóm ưu tiên II gồm đối tượng 05, 06.

**Lưu ý:** Trường hợp chính sách ưu tiên theo đối tượng có thay đổi theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, X02 sẽ hướng dẫn sau.

### **III. Đối tượng xét tuyển thẳng vào trung cấp CAND**

#### **1. Con đẻ của liệt sĩ CAND**

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy báo tử hoặc Bản sao Bằng “Tổ quốc ghi công”; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ; Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có).

#### **2. Con đẻ của thương binh CAND (tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên)**

Để hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an cấp.

### **3. Con đẻ của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong CAND, Anh hùng lao động trong CAND**

Đề hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Anh hùng lao động của Chủ tịch nước.

### **4. Con đẻ của công dân được công nhận là liệt sĩ hy sinh trong trường hợp trực tiếp tham gia đấu tranh chống lại hoặc ngăn chặn các hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ an ninh**

Đề hưởng ưu tiên: thí sinh phải cung cấp giấy khai sinh của thí sinh; Bản sao Bằng "Tổ quốc ghi công"; hồ sơ có liên quan, tài liệu minh chứng do bản thân hoặc cấp có thẩm quyền cấp xác định trường hợp hi sinh do trực tiếp tham gia đấu tranh chống lại hoặc ngăn chặn các hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ an ninh.

### **5. Hồ sơ gửi lên X02 để thẩm định gồm:**

- Công văn đề nghị của Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển, trong đó xác định rõ về mối quan hệ của thí sinh với bố đẻ, mẹ đẻ; đơn vị công tác của bố đẻ, mẹ đẻ; ngành, chuyên ngành, trường đào tạo;
- Tài liệu minh chứng đề hưởng chế độ của thí sinh;
- Bản sao giấy chứng nhận sơ tuyển;
- Bản sao giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia năm 2022.

### **IV. Các văn bản về chính sách ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm b khoản 4 điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:**

1. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

2. Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

3. Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

4. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

5. Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung xã Ninh Hải, huyện Vĩnh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018 - 2020;

6. Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi giai đoạn 2012-2015;

7. Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 tỉnh Ninh Bình;

8. Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc thay thế nội dung các xã, thôn tương ứng trong quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013;

9. Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013;

10. Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành Chương trình 135 năm 2015;

11. Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

12. Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

13. Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

14. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013 - 2015;

15. Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;

16. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013;

17. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định;

18. Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang;
19. Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa;
20. Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015;
21. Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020;
22. Quyết định số 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã an toàn khu và vùng an toàn khu tỉnh Lạng Sơn;
23. Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận;
24. Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh;
25. Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng;
26. Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng;
27. Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020;
28. Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận;
29. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 23/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;
30. Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Ninh Bình;
31. Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã an toàn khu và vùng an toàn khu tại tỉnh Sóc Trăng.
32. Các văn bản khác theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.